ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 328 /QĐ-UBND	*Kon Tum, ngày 21 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quyết toán kinh phí thực hiện hỗ trợ tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số năm 2022 trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 42/2012/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 42/2012/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số tại khu vực miền núi, vùng đặc biệt khó khăn; Quyết định số 64/2015/QĐ-TTg ngày 17 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 42/2012/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 58/2017/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn một số chính sách hỗ trợ tài chính cho các tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số tại khu vực miền núi, vùng đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 42/2012/QĐ-TTg;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 1900/TTr-STC ngày 01 tháng 6 năm 2023[1].

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán kinh phí thực hiện hỗ trợ tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kon Tum theo Quyết định số 42/2012/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Tổng kinh phí được quyết toán là 21.034.366.974 đồng, cụ thể:

- Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp ĐăK Glei: 293.588.620 đồng
- Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Rẫy: 117.670.861 đồng
- Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sa Thầy: 177.641.480 đồng
- Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hồi: 110.385.233 đồng
- Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đăk Tô: 137.626.300 đồng
- Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Plông: 809.470.870 đồng
- Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia H'Drai: 215.629.628 đồng
- Công ty Cổ phần Sâm Ngọc Linh: 606.310.000 đồng

---

[1] Ủy ban nhân dân tỉnh đã thống nhất tại cuộc họp ngày 19 tháng 6 năm 2023.

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Duy Tân: 2.581.563.000 đồng
- Công ty TNHH MTV Cao su Kon Tum: 4.890.885.175 đồng
- Công ty TNHH MTV Cao su Chư Mom Ray: 7.231.137.341 đồng
- Công ty Cổ phần Cao su Sa Thầy: 3.862.458.466 đồng

2. Kinh phí được sử dụng trong năm là: 19.986.000.000 đồng.

3. Kinh phí đã thực hiện cấp phát trong năm là: 19.537.951.480 đồng.

4. Kinh phí còn thiếu đề nghị cấp bổ sung cho các Công ty là *(1-3)*: 1.496.415.494 đồng, trong đó:

4.1. Tổng kinh phí năm 2022 chuyển sang năm 2023 tại ngân sách tỉnh (2-3): 448.048.520 đồng.

4.2. Kinh phí còn thiếu đề nghị Ngân sách nhà nước bổ sung (1-2): 1.048.366.974 đồng.

(Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo)

5. Sau khi Ngân sách nhà nước cấp bổ sung kinh phí hỗ trợ các đơn vị, tổ chức sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số theo Quyết định số 42/2012/QĐ-TTg còn thiếu cho các đơn vị, giao Sở Tài chính theo dõi, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí cho các tổ chức, đơn vị còn thiếu kinh phí thực hiện hỗ trợ trong năm 2023 theo đúng quy định.

Điều 2. - Sở Tài chính, Bảo hiểm xã hội tỉnh chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chuẩn xác, hợp pháp,thống nhất các thông tin, số liệu, tài liệu hồ sơ trình.

- Sở Tài chính có trách nhiệm thực hiện tiến hành kiểm tra, thanh tra phát hiện sai phạm đề xuất xử lý theo đúng quy định: quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí bảo đảm công khai, minh bạch, tuyệt đối không làm thất thoát ngân sách nhà nước.

Điều 3. Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Bảo hiểm Xã hội tỉnh; Chủ tịch, Giám đốc các Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp: Đăk Glei, Sa Thầy, Ngọc Hồi, Kon Rẫy, Đăk Tô, Kon Plông, Ia H'Drai; Giám đốc Công ty cổ phần Sâm Ngọc Linh; Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Duy Tân; Giám đốc Công ty TNHH MTV Cao su Kon Tum; Giám đốc Công ty TNHH MTV Cao su Chư Mom Ray; Giám đốc Công ty cổ phần Cao su Sa Thầy và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Bộ Tài chính *(b/c)*;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (đ/b);
- CVP, PVP UBND tỉnh Nguyễn Đức Ty (đ/b);
- Lưu: VT, KTTH, TTL, NTS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Sâm

Phụ lục 1:

BẢNG TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ CHO ĐƠN VỊ SỬ DỤNG LAO ĐỘNG LÀ NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 42/2012/QĐ-TTg NĂM 2022 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 328 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

ĐVT: đồng

SỐ TT	TÊN ĐƠN VỊ	BẢO HIỂM					
		Số LĐ *(người)*	Số tháng được hưởng trong năm *(tháng)*	BHXH *(17% từ T1-T6, 17,5% từ T7-T12)*	BHYT *(3%)*	BHTN *(1% từ T10-T12)*	Tổng
A	B	1	2	3	4	5	6=3+4+5
1	Công ty TNHH MTV LN ĐăK Glei	29	301	247,244,470	43,051,920	3,292,250	293,588,620
2	Công ty TNHH MTV LN Kon Rẫy	20	127	98,995,459	17,222,247	1,453,155	117,670,861
3	Công ty TNHH MTV LN Sa Thầy	20	183	149,336,942	25,999,338	2,305,200	177,641,480
4	Công ty TNHH MTV LN Ngọc Hồi	9	108	92,805,575	16,127,883	1,451,775	110,385,233
5	Công ty TNHH MTV LN Đăk Tô	12	123	115,829,140	20,149,710	1,647,450	137,626,300
76	Công ty TNHH MTV LN Kon Plong	76	662	670,316,860	125,214,885	13,939,125	809,470,870
7	Công ty TNHH MTV LN Ia H'Drai	18	183	175,512,488	30,087,855	10,029,285	215,629,628
8	Công ty Cổ phần Sâm Ngọc Linh	93	733	507,560,000	88,080,000	10,670,000	606,310,000
9	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Duy Tân	356	3,085	2,168,552,000	376,515,000	36,496,000	2,581,563,000
10	Công ty TNHH MTV Cao su Kon Tum	651	5,805	4,113,981,362	714,986,985	61,916,828	4,890,885,175
11	Công ty TNHH MTV Cao su ChuMomRay	794	7,345	6,081,539,451	1,056,640,229	92,957,661	7,231,137,341
12	Công ty cổ phần Cao su Sa Thầy	502	4,611	3,246,476,068	563,490,348	52,492,030	3,862,458,466
Tổng		**2,580**	**23,266**	**17,668,149,815**	**3,077,566,400**	**288,650,759**	**21,034,366,974**

Thuyết minh:

- BHXH (17% từ T1-T6, 17,5% từ T7-T12): Từ tháng 01 đến tháng 06, mức đóng bảo hiểm xã hội là 17%, giảm 0,5% theo Nghị quyết số 68 NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ Về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch covid-19

- BHTN (1% từ T10-T12): Từ tháng 01 đến tháng 9, Công ty không phải đóng Bảo hiểm thất nghiệp theo Quyết định định số 28/2021 QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về việc thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 từ Quỹ bảo hiểm thất nghiệp

UBND TỈNH KON TUM
CÔNG TY TNHH MỘT TV
LÂM NGHIỆP NGỌC HỒI

Số: 03 /TT-Cty

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngọc Hồi, ngày 15 tháng 02 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc xin phê duyệt quyết toán kinh phí hỗ trợ người lao động là người dân tộc thiểu số năm 2022

Kính gửi: Sở Tài Chính tỉnh Kon Tum.

Thực hiện văn bản số 353/STC-TCDN ngày 07/02/2023 của Sở Tài Chính tỉnh kon tum về việc lập hồ sơ quyết toán kinh phí hỗ trợ các đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số năm 2022 theo quyết định số 42/2012/QĐ-TTg.

Căn cứ quyết định số 64/2015/QĐ-TTg ngày 17/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định số 42/2012/QĐ-TTg ngày 08/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số cư trú tại khu vực miền núi, vùng đặc biệt khó khăn;

Căn cứ thông tư số 58/2017/TT-BTC ngày 13/026/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn một số chính sách hỗ trợ tài chính cho các tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số cư trú tại khu vực miền núi, vùng đặc biệt khó khăn;

Căn cứ dự toán kinh phí hỗ trợ đóng bảo hiểm cho người dân tộc thiểu số năm 2022 của Công ty TNHH Một TV Lâm nghiệp Ngọc Hồi.

Nay Công ty TNHH Một TV Lâm nghiệp Ngọc Hồi kính đề nghị Sở Tài Chính tỉnh Kon Tum phê duyệt quyết toán kinh phí hỗ trợ người lao động là người dân tộc thiểu số năm 2022 với những nội dung như sau:

-Tổng kinh phí đề nghị quyết toán: **110.385.233 đồng.** (Một trăm mười triệu ba trăm tám mươi lăm ngàn hai trăm ba mươi ba đồng).

(Có bảng quyết toán kinh phí hỗ trợ người lao động là người dân tộc thiểu số năm 2022 kèm theo).

-Tổng số tiền đã nhận trong năm 2022: 108.000.000 đồng. (Một trăm linh tám triệu đồng).

- Tổng số còn lại: 2.385.233 đồng. (Hai triệu ba trăm tám mươi lăm ngàn hai trăm ba mươi ba đồng)

Tài khoản tiếp nhận kinh phí: 040014156366 Công ty TNHH Một TV Lâm nghiệp Ngọc Hồi. mở tại ngân hàng Sacombank – Chi nhánh Kon Tum – Phòng giao dịch huyện Ngọc Hồi.

Mã số quan hệ ngân sách: 1110297.

Kính mong sự quan tâm và xét duyệt của quý cấp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- KSV Cty (biết)
- Lưu KH,VT

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY T.N.H.H MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP NGỌC HỒI

PHÓ GIÁM ĐỐC

Vũ Tùng Khoa

PHỤ LỤC SỐ 04

QUYẾT TOÁN HỖ TRỢ KINH PHÍ ĐÓNG BẢO HIỂM CHO DÂN TỘC THIỂU SỐ NĂM 2022

(Ban hành kèm theo thông tư số 58/2017/TT-BTC ngày 13/06/2017 của bộ tài chính hướng dẫn một số chính sách hỗ trợ tài chính cho các tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số tại khu vực miền núi, vùng đặc biệt khó khăn

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hồi
Thuộc: UBND tỉnh Kon Tum .

STT	Tên người lao động được hỗ tợ bảo hiểm	Dân Tộc	Số sổ bảo hiểm	Thời gian đã được NS hỗ trợ tiền đóng BH trước năm báo cáo (tháng)	Thời gian được hỗ trợ đóng BH năm báo cáo (tháng)	Tổng số thời gian người lao động được NS hỗ trợ BH đến cuối năm báo cáo (tháng)	Mức lương đóng BH năm báo cáo (Đ)	Mức hỗ trợ năm 2022				Ghi chú
								BHXH (đ)	BHYT (đ)	BHTN (đ)	Tổng số tiền hỗ trợ (đ)	
1	2	3	4	5	6	7=5+6	8	9	10	11	12	13
1	A Thảo	Xê Đăng	6215002988	26	12	38	60.325.200	10.413.234	1.809.756	163.800	12.386.790	
2	A Nam Hậu	Striêng	6215002992	26	12	38	65.254.800	11.263.941	1.957.644	176.475	13.398.060	
3	A Thăm	Xê Đăng	6215002991	26	12	38	60.325.200	10.413.234	1.809.756	163.800	12.386.790	
4	A Tại	Xê Đăng	6215002993	26	12	38	60.325.200	10.413.234	1.809.756	163.800	12.386.790	
5	Xiêng Var Huỳnh	Striêng	6216002956	26	12	38	65.254.800	11.263.941	1.957.644	176.475	13.398.060	
6	A Thanh	Xê Đăng	6216002955	26	12	38	60.325.200	10.413.234	1.809.756	163.800	12.386.790	
7	Xiêng Thanh Thọ	Striêng	6221155348	12	12	24	60.585.000	10.464.225	1.817.550	164.775	12.446.550	
8	A Lệ	Xê Đăng	6221627063	12	12	24	59.155.200	10.208.484	1.774.656	152.100	12.135.240	
9	A Mão	Striêng	6221183058	12	12	24	46.045.500	7.952.048	1.381.365	126.750	9.460.163	
Cộng							**537.596.100**	**92.805.575**	**16.127.883**	**1.451.775**	**110.385.233**	

(Có bảng tổng hợp mức tiền lương tính đóng bảo hiểm và bảng kê chi tiết đơn vị trích đóng bảo hiểm cho người lao động là dân tộc thiểu số năm 2022 kèm theo)

Ngọc Hồi, ngày 15 tháng 2 năm 2023

Xác nhận của cơ quan bảo hiểm xã hội	Người lập biểu	Kế toán trưởng	Thủ trưởng đơn vị
BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM - BẢO HIỂM XÃ HỘI HUYỆN NGỌC HỒI - BẢO HIỂM XÃ HỘI TỈNH KON TUM	Nguyễn Thị Mỹ Sinh	Lê Văn Chương	C.T.N.H.H MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP NGỌC HỒI - H.NGỌC HỒI-T.KON TUM PHÓ GIÁM ĐỐC Ngô Tùng Khoa

BẢNG KÊ CHI TIẾT ĐƠN VỊ TRÍCH ĐÓNG BẢO HIỂM CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG LÀ DÂN TỘC THIỂU SỐ NĂM 2022

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hồi

Thuộc: UBND tỉnh Kon Tum

STT	Lao động được hỗ trợ	Hệ số lương	Mức lương đóng BH từ tháng 01-06	Tiền đóng BH từ tháng 01-06				Mức lương đóng BH từ tháng 07-09	Tiền đóng BH từ tháng 07-09				Mức lương đóng BH từ tháng 10-12	Tiền đóng BH từ tháng 10-12				Tổng mức lương đóng BH năm 2022	Tổng tiền đóng BH năm 2022				Chi chú
				BHXH (17%)	BHYT (3%)	BHTN (0%)	Tổng (đ)		BHXH (17.5%)	BHYT (3%)	BHTN (0%)	Tổng (đ)		BHXH (17.5%)	BHYT (3%)	BHTN (1%)	Tổng (đ)		BHXH	BHYT	BHTN	Tổng (đ)	
1	A Thảo	1.56	28.735.200	4.884.984	862.056	0	5.747.040	15.210.000	2.661.750	456.300	0	3.118.050	16.380.000	2.866.500	491.400	163.800	3.521.700	60.325.200	10.413.234	1.809.756	163.800	12.386.790	Mức lương tối thiểu vùng từ tháng 01-06: 3.070.000 đ/th; từ tháng 07-12: 3.250.000đ/th
2	A Nam Hậu	1.69	31.129.800	5.292.066	933.894	0	6.225.960	16.477.500	2.883.563	494.325	0	3.377.888	17.647.500	3.088.313	529.425	176.475	3.794.213	65.254.800	11.263.941	1.957.644	176.475	13.398.060	
3	A Thăm	1.56	28.735.200	4.884.984	862.056	0	5.747.040	15.210.000	2.661.750	456.300	0	3.118.050	16.380.000	2.866.500	491.400	163.800	3.521.700	60.325.200	10.413.234	1.809.756	163.800	12.386.790	
4	A Tại	1.56	28.735.200	4.884.984	862.056	0	5.747.040	15.210.000	2.661.750	456.300	0	3.118.050	16.380.000	2.866.500	491.400	163.800	3.521.700	60.325.200	10.413.234	1.809.756	163.800	12.386.790	
5	Xiêng Var Huỳnh	1.69	31.129.800	5.292.066	933.894	0	6.225.960	16.477.500	2.883.563	494.325	0	3.377.888	17.647.500	3.088.313	529.425	176.475	3.794.213	65.254.800	11.263.941	1.957.644	176.475	13.398.060	
6	A Thanh	1.56	28.735.200	4.884.984	862.056	0	5.747.040	15.210.000	2.661.750	456.300	0	3.118.050	16.380.000	2.866.500	491.400	163.800	3.521.700	60.325.200	10.413.234	1.809.756	163.800	12.386.790	
7	Xiêng Thanh Thọ	1.38	27.630.000	4.697.100	828.900	0	5.526.000	16.477.500	2.883.563	494.325	0	3.377.888	16.477.500	2.883.563	494.325	164.775	3.542.663	60.585.000	10.464.225	1.817.550	164.775	12.446.550	
8	A Lệ	1.56	28.735.200	4.884.984	862.056	0	5.747.040	15.210.000	2.661.750	456.300	0	3.118.050	15.210.000	2.661.750	456.300	152.100	3.270.150	59.155.200	10.208.484	1.774.656	152.100	12.135.240	
9	A Mão	1.15	21.183.000	3.601.110	635.490	0	4.236.600	12.187.500	2.132.813	365.625	0	2.498.438	12.675.000	2.218.125	380.250	126.750	2.725.125	46.045.500	7.952.048	1.381.365	126.750	9.460.163	
	Cộng	13.71	254.748.600	43.307.262	7.642.458	0	50.949.720	137.670.000	24.092.250	4.130.100	0	28.222.350	145.177.500	25.406.063	4.355.325	1.451.775	31.213.163	537.596.100	92.805.575	16.127.883	1.451.775	110.385.253	

Ghi chú:

A Thảo tháng 11 tăng hệ số lương 1.56 lên 1.74

A Nam Hậu hưởng

A Thăm tháng 11 tăng hệ số lương 1.56 lên 1.74

A Tại tháng 11 tăng hệ số lương 1.56 lên 1.74

Xiêng Var Huỳnh hưởng phụ cấp tổ trưởng 0.13 và tháng 11 tăng hệ số lương 1.56 lên 1.74

A Thanh tháng 11 tăng hệ số lương 1.56 lên 1.74

Xiêng thanh thọ tăng lương từ tháng 3 hệ số từ 1,38 lên 1,56 ; tháng 7 hưởng phụ cấp trách nhiệm (tổ trưởng) hệ số 0,13

A Lệ tăng lương từ tháng 12/2021 từ 1,38 lên 1,56

A Mão tháng 8 tăng lương 1,15 lên 1,30

Ngọc Hồi, ngày 15 tháng 02 năm 2023

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Thị Mỹ Sinh	Lê Văn Chương	PHÓ GIÁM ĐỐC Ngô Tùng Khoa

S.Đ.K.K.D 6100187... C.T.N.H.H CÔNG TY T.N.H.H MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP NGỌC HỒI H.NGỌC HỒI-T.KON TUM

BẢNG TỔNG HỢP MỨC TIỀN LƯƠNG TÍNH ĐÓNG BẢO HIỂM CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG LÀ DÂN TỘC THIỂU SỐ NĂM 2022

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hồi
Thuộc: UBND tỉnh Kon Tum

STT	Lao động được hỗ trợ	Tháng 01 - 02/2022		Tháng 03-05/2022		Tháng 6/2022		Tháng 7/2022		Tháng 8 -10/2022		Tháng 11-12/2022		Tổng tiền lương	Ghi chú
		Hệ số lương	Tiền lương	Hệ số lương	Tiền lương	Hệ số lương	Tiền lương	Hệ số lương	Tiền lương	Hệ số lương	Tiền lương	Hệ số lương	Tiền lương		
1	A Thảo	1.56	9.578.400	1.56	14.367.600	1.56	4.789.200	1.56	5.070.000	1.56	15.210.000	1.74	11.310.000	60.325.200	
2	A Nam Hậu	1.69	10.376.600	1.69	15.564.900	1.69	5.188.300	1.69	5.492.500	1.69	16.477.500	1.87	12.155.000	65.254.800	
3	A Thăm	1.56	9.578.400	1.56	14.367.600	1.56	4.789.200	1.56	5.070.000	1.56	15.210.000	1.74	11.310.000	60.325.200	
4	A Tại	1.56	9.578.400	1.56	14.367.600	1.56	4.789.200	1.56	5.070.000	1.56	15.210.000	1.74	11.310.000	60.325.200	
5	Xiêng Var Huỳnh	1.69	10.376.600	1.69	15.564.900	1.69	5.188.300	1.69	5.492.500	1.69	16.477.500	1.87	12.155.000	65.254.800	
6	A Thanh	1.56	9.578.400	1.56	14.367.600	1.56	4.789.200	1.56	5.070.000	1.56	15.210.000	1.74	11.310.000	60.325.200	
7	Xiêng Thanh Thọ	1.38	8.473.200	1.56	14.367.600	1.56	4.789.200	1.69	5.492.500	1.69	16.477.500	1.69	10.985.000	60.585.000	
8	A Lệ	1.56	9.578.400	1.56	14.367.600	1.56	4.789.200	1.56	5.070.000	1.56	15.210.000	1.56	10.140.000	59.155.200	
9	A Mão	1.15	7.061.000	1.15	10.591.500	1.15	3.530.500	1.15	3.737.500	1.30	12.675.000	1.30	8.450.000	46.045.500	
Cộng		13.71	84.179.400	13.89	127.926.900	13.89	42.642.300	14.02	45.565.000	14.17	138.157.500	15.25	99.125.000	537.596.100	

Mức lương tối thiểu vùng từ tháng 01-06: 3.070.000 đ/th; từ tháng 07-12: 3.250.000đ/th

Ghi chú:

A Thảo tháng 11 tăng hệ số lương 1.56 lên 1.74
A Nam Hậu hưởng phụ cấp tổ trưởng 0.13 và tháng 11 tăng hệ số lương 1.56 lên 1.74
A Thăm tháng 11 tăng hệ số lương 1.56 lên 1.74
A Tại tháng 11 tăng hệ số lương 1.56 lên 1.74
Xiêng Var Huỳnh hưởng phụ cấp tổ trưởng 0.13 và tháng 11 tăng hệ số lương 1.56 lên 1.74
A Thanh tháng 11 tăng hệ số lương 1.56 lên 1.74
Xiêng thanh thọ tăng lương từ tháng 3 hệ số từ 1,38 lên 1,56 ; tháng 7 hưởng phụ cấp trách nhiệm (tổ trưởng) hệ số 0,13
A Lệ tăng lương từ tháng 12/2021 từ 1,38 lên 1,56
A Mão tháng 8 tăng lương 1,15 lên 1,30

Ngọc Hồi, ngày 15 tháng 02 năm 2023

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Thị Mỹ Sinh	Lê Văn Chương	PHÓ GIÁM ĐỐC Ngô Tùng Khoa

CÔNG TY T.N.H.H MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP NGỌC HỒI